

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Vĩnh Thịnh

Bà Huỳnh Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2018/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số: 59/TB-TA ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Bích L, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số XYX ấp AT, xã TT, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Phan Trần T, sinh năm: 1972

Địa chỉ: XYZ, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 8 năm 2018 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị Bích L trình bày:

Bà và ông Phan Trần T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 06 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn do điều kiện địa lý xa cách nên vợ chồng ông bà ít gần gũi, chia sẻ và thông cảm lẫn nhau nên khoảng cách giữa vợ chồng ngày càng xa. Đã hơn 10

năm nay, bà và ông T không còn liên lạc với nhau. Bà nhận thấy do khoảng cách địa lý quá xa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau: Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Trần T, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Phan Trần T đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Phan Trần T đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ trả lời kết quả không thực hiện được ủy thác tư pháp do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu ủy thác. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đăng quyết định nhưng ông Phan Trần T vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Trần T theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Đoàn Thị Bích L và ông Phan Trần T là ly hôn, nguyên đơn bà Đoàn Thị Bích L đang ở Việt Nam, bị đơn ông Phan Trần T hiện đang ở nước ngoài nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Bích L và ông Phan Trần T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29 tháng 6 năm 2007 nên hôn nhân giữa bà Đoàn Thị Bích L và ông Phan Trần T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo như lời trình bày của bà L thì sau khi kết hôn do khoảng cách địa lý cách xa nên vợ chồng bà L và ông T ít gần gũi, chia sẻ và thông cảm lẫn nhau. Đã hơn 10 năm nay, vợ chồng bà L và ông T không còn liên lạc với nhau. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho ông Phan Trần T nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu ủy thác. Do bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án. Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định. Tuy nhiên, hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định,

Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre vẫn không nhận được bất kỳ văn bản nào về ý kiến của ông Phan Trần T đối với vụ án này, ngày mở phiên tòa ông T vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Bích L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Phan Trần T nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Đoàn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Đoàn Thị Bích L.

Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Bích L được ly hôn với ông Phan Trần T.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bà Đoàn Thị Bích L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ghi nhận được lời trình bày của ông Phan Trần T nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008123 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Đoàn Thị Bích L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phan Trần T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thế Xương